

Số: 2818778

|                                            | Kia Morning MT      | Mazda2 1.5L AT (Thêm tùy chọn) |
|--------------------------------------------|---------------------|--------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>349.000.000đ</b> | <b>429.000.000đ</b>            |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                     |                                |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 3595 x 1595 x 1495  | 4355 x 1695 x 1470             |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2400                | 2570                           |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 4700                | 5000                           |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 151                 | 140                            |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 960                 | 1109                           |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1370                | 1528                           |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 255L                | 440                            |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 35L                 | 44                             |
| Số chỗ ngồi                                | 5                   | 5                              |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước    | Nhập Khẩu                      |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                     |                                |
| Loại động cơ                               | Xăng, Kappa 1.25L   | Skyactiv-G 1.5L                |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1248                | 1496                           |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 83 Hp               | 110 / 6000                     |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 122 Nm              | 144 / 4000                     |
| Hộp số                                     | 5MT                 | 6AT                            |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)     | Cầu trước (FWD)                |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson          | Độc lập McPherson              |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn          | Thanh xoắn                     |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                 | Đĩa                            |
| Hệ thống phanh sau                         | Tang trống          | Đĩa                            |
| Thông số lốp xe                            | 185/55 R15          | 185/65 R15                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.49                | 7.91                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 4.39                | 5.07                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.54                | 6.11                           |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                     |                                |
| Cụm đèn trước                              | Halogen             | LED                            |
| Đèn sương mù                               | Halogen Projector   | -                              |
| Cụm đèn sau                                | Halogen             | Halogen                        |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | Chỉnh điện          | Chỉnh điện                     |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                     |                                |
| Vô lăng bọc da                             | Urethane            | -                              |
| Chất liệu ghế                              | Da                  | Da Simili                      |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                   | ●                              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                   | ●                              |
| Màn hình giải trí trung tâm                | Audio               | Android 7"                     |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | Chỉnh cơ            | Chỉnh cơ                       |
| Hệ thống âm thanh                          | 4 loa               | 4 loa                          |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                     |                                |
| Số túi khí                                 | 2                   | 2                              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●                   | ●                              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●                   | ●                              |